

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1259/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/11/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Huy Hoàng**
2. Bà **Phan Thị Cẩm Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà **Vũ Thị Thái** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 534/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 338/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ôn Thị Hồng P**, sinh năm 1982.
Địa chỉ: số 03, ấp 4A, xã T, huyện C, tỉnh L.
2. Bị đơn: Ông **Ngô Văn B**, sinh năm 1977.
Địa chỉ: D3/081A, ấp 4, xã N, huyện B, TP. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - Bà Ôn Thị Hồng P trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông B chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp ngày 25/11/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn khi bà P sinh con từ tháng 01 năm 2015, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B về nhà ở xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh sống, chỉ lâu lâu về nhà một lần rồi đi. Hiện nay, bà P không còn tình cảm với ông B nữa, bà P và ông B không còn quan tâm chăm sóc cho

nhau và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay bà P thấy mục đích hôn nhân không đạt được, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Hồng Xuân M, sinh năm 2015.

Hiện nay con đang sống chung với bà P tại căn nhà số 03, ấp 4A, xã T, huyện C, tỉnh L.

Bà P yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Ngô Hồng Xuân M, sinh năm 2015 đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn - Bà Ôn Thị Hồng P có ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

Bị đơn - Ông Ngô Văn B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ôn Thị Hồng P khởi kiện xin ly hôn với Ông Ngô Văn B, đây là tranh chấp về ly hôn. Ông Ngô Văn B cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Ngô Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Ông Ngô Văn B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ôn Thị Hồng P và Ông Ngô Văn B có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Tân Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An cấp ngày 25/11/2013. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Bà Ôn Thị Hồng P và Ông Ngô Văn B là hợp pháp.

[4] Theo Bà Ôn Thị Hồng P xác định: Hiện nay, bà P không còn tình cảm với ông B nữa, bà P và ông B không còn quan tâm chăm sóc cho nhau và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

[5] Theo Công văn số 1699/UBND ngày 15/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, TP. H, về việc xác minh tình trạng hôn nhân, có nội dung:

Trong quá trình sinh sống tại địa phương, cuộc sống hôn nhân của Bà Ôn Thị Hồng P và Ông Ngô Văn B có xảy ra mâu thuẫn (không rõ nguyên nhân). Bà P hiện không còn chung sống với ông B tại địa chỉ D3/81A ấp 4, xã N, huyện B, TP. H và đã bỏ đi hơn 04 năm nay.

Nguyện vọng của ông Ngô Văn B trong vụ án ly hôn: không rõ.

[6] Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải giữa Bà Ôn Thị Hồng P và Ông Ngô Văn B, nhưng ông B vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

[7] Căn cứ vào Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng”.

[8] Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[9] Xét thấy, bà P không còn tình cảm với ông B, bà P và ông B không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, không còn sống chung với nhau là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được.

[10] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Ôn Thị Hồng P về việc yêu cầu ly hôn với Ông Ngô Văn B.

[11] Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Hồng Xuân M, sinh năm 2015. Theo bà P trình bày: Hiện nay con đang sống chung với bà P tại căn nhà số 03, ấp 4A, xã T, huyện C, tỉnh L.

[12] Xét quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Ngô Hồng Xuân M, sinh năm 2015 đến trưởng thành; ghi nhận việc bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[13] Về tài sản chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Về nợ chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ôn Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Bà Ôn Thị Hồng P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002083 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Ôn Thị Hồng P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Ôn Thị Hồng P về việc yêu cầu ly hôn với Ông Ngô Văn B.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ôn Thị Hồng P được ly hôn với Ông Ngô Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 139/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã xã T, huyện C, tỉnh L cấp ngày 25/11/2013 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: có 01 con chung tên Ngô Hồng Xuân M, sinh năm 2015.

Giao con Ngô Hồng Xuân M, sinh năm 2015 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ghi nhận việc bà P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Bà P, ông B có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ án khác nếu có tranh chấp.

1.4. Về nợ chung: Bà P xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ôn Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà Bà Ôn Thị Hồng P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002083 ngày 27/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Ôn Thị Hồng P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện

không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT-HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Hải